

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày: 19-3-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Mạnh Quyết

2/ Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2020/TLST-DS, ngày 01/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-DS, ngày 03/02/2021 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Phường 6, thành phố TA, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp 1, xã TL, huyện X, tỉnh Long An.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Siêu V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Phường 6, thành phố TA, tỉnh Long An.

* Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp 1, xã TL, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà C, ông V có mặt. Ông T, ông L vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Do có khó khăn về tiền bạc, để nâng nguồn vốn vay, được người quen giới thiệu ông Nguyễn Văn T hứa làm thủ tục cho vợ chồng bà vay tiền ngân hàng.

Ông T nói sẽ liên hệ để vợ chồng bà vay tiền của ngân hàng Agribank Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cho bà gặp ai trong ngân hàng. Ông T nói mấy người ngân hàng nơi cho vay yêu cầu đưa tiền cafe là 500.000.000 đồng nhưng bà không có tiền đủ, nên chồng bà là ông Hà Siêu V có trực tiếp đưa cho ông T 200.000.000 đồng vào ngày 24/12/2019. Khi chồng bà đưa tiền cho ông T không có làm biên nhận. Ông T nói 2 tuần sau tiền sẽ được giải ngân nhưng cho đến nay vợ chồng bà không vay được tiền. Ông T có hứa trả tiền nhưng không trả lại cho vợ chồng bà 200.000.000 đồng và cố tình lẩn tránh cho đến nay.

Ngoài ra, ông T có mượn tiền của vợ chồng bà 5 lần với số tiền như sau: Lần 1 là 25.000.000 đồng, lần 2 là 3.000.000 đồng, lần 3 là 10.000.000 đồng, lần 4 là 20.000.000 đồng, lần 5 là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 73.000.000 đồng từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 (Bà không nhớ ngày tháng cụ thể). Khi đó, ông T cho rằng gia đình đang khó khăn về kinh tế, bệnh hoạn. Do chỗ quen biết nên bà không làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất. Bà là người trực tiếp đưa tiền cho ông T mượn, khi đó có mặt chồng bà. Mỗi lần mượn tiền, ông T hứa vài ngày sẽ trả tiền lại cho bà nhưng không thực hiện.

Vợ chồng bà không vay được tiền ngân hàng như ông T đã hứa và ông T không trả tiền mượn của vợ chồng bà mặc dù bà đòi nhiều lần. Tuy khi đưa tiền cho ông T bà không làm giấy nhưng bà có tự ghi âm cuộc trò chuyện giữa bà với ông T ngày 25/3/2020 và đoạn ghi âm ngày 03/4/2020 giữa bà với ông Nguyễn Minh L (con trai ông T) thể hiện ông T có nhận 273.000.000 đồng của vợ chồng bà. Bà yêu cầu được đối chất với ông T, ông L về nội dung đoạn ghi âm và yêu cầu giám định giọng nói của ông T, ông L trong hai đoạn ghi âm nhưng ông T vẫn cố tình né tránh.

Việc vợ chồng bà tranh chấp với ông T không liên quan gì đến vợ, con ông T. Bà cũng không biết họ tên, năm sinh của vợ ông T để cung cấp cho Tòa. Nay, bà C yêu cầu một mình ông T trả 200.000.000 đồng tiền đã nhận để lo thủ tục vay ngân hàng nhưng không thực hiện đúng và yêu cầu ông T trả 73.000.000 đồng đã mượn, không yêu cầu lãi suất.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai (không ghi ngày tháng) có nội dung như sau: Ông không có vay mượn gì của bà Lê Thị Kim C và ông Hà Siêu V, không có nhận 200.000.000 đồng của ông V, bà C. Ông không đồng ý trả tiền cho bà C, ông V.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Siêu V thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà C. Ông không có yêu cầu nào khác.

Tòa án tiến hành thụ lý và hòa giải nhưng không được do ông T vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản được quy định tại Điều 463 và 166 Bộ luật dân sự. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, bà C và ông V cho rằng ông bà có nhờ ông T làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Ông T yêu cầu vợ chồng bà C đưa tiền cafe cho người làm thủ tục vay tiền nhưng bà không biết là ai. Ngày 24/12/2019, ông V trực tiếp đưa cho ông T 200.000.000 đồng, không làm biên nhận. Ông T nói 2 tuần sau tiền sẽ được giải ngân nhưng cho đến nay vợ chồng bà không vay được tiền và ông T cố tình lẩn tránh. Nay bà C yêu cầu ông T trả lại cho bà 200.000.000 đồng đã nhận.

Ngoài ra, bà C còn cho ông T mượn tiền 5 lần với số tiền như sau: Lần 1 là 25.000.000 đồng, lần 2 là 3.000.000 đồng, lần 3 là 10.000.000 đồng, lần 4 là 20.000.000 đồng, lần 5 là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 73.000.000 đồng nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể. Bà C chỉ nhớ là số tiền ông T vay vào thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019. Khi bà giao tiền cho ông T có mặt ông V. Ông T hẹn vài ngày sẽ trả tiền nhưng cho đến nay ông không trả dù bà C đòi nhiều lần. Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông T trả tổng cộng 273.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà C đã cung cấp cho Tòa án 2 đoạn ghi âm: Đoạn ghi âm thứ 1 ngày 25/3/2020, bà C cho rằng đoạn ghi âm thể hiện nội dung cuộc trò chuyện giữa bà C và ông T; đoạn ghi âm thứ 2 ngày 03/4/2020 thể hiện là cuộc trò chuyện giữa bà C và ông Nguyễn Minh L (con ông T).

Bà C có đơn yêu cầu được đối chất với ông T, ông L và yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm ngày 25/3/2020 và ngày 03/4/2020. Tòa án đã thông báo về việc cho đối chất giữa bà C với ông T, ông L về nội dung, giọng nói của ông T, ông L trong 02 đoạn ghi âm và tổng đạt bản giấy thể hiện nội dung 02 đoạn ghi âm nêu trên nhưng ông T, ông L không đến Tòa để đối chất vào ngày 24/11/2020 và ngày 03/02/2021, không có phản đối về chứng cứ bà C giao nộp cho Tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, có đủ cơ sở xác định giọng nói trong đoạn ghi âm ngày 25/3/2020 là của ông T và giọng nói trong đoạn ghi âm ngày 03/4/2020 là của ông Nguyễn Minh L.

Căn cứ vào nội dung đoạn ghi âm ngày 25/3/2020 thể hiện ông T có nói: “Ồ nói nghe rồi thôi để nói luôn cho nghe nè, em có báo cáo là anh em người ta sắp xếp trường hợp mà giải ngân người ta không được quay qua giải ngân cho chị không được. Thứ sáu tuần sau em xách tiền kêu trả tiền lại cho em, em cầm về trả lại cho chị đó nha”.

Căn cứ vào nội dung đoạn ghi âm ngày 03/4/2020 thể hiện bà C đòi ông T số tiền 273.000.000 đồng nhưng bà không liên lạc được. Bà C đã gọi cho con ông T là Nguyễn Minh L đã nói: “Cái đó con cũng có nghe nói nữa cô.....Cái đó là mọi chuyện ngoài ý muốn chứ không phải là ba mẹ con xấu làm cô hiểu lầm đâu.....Dạ, thiệt tình là con không biết nói sao nhưng mà nói Út quá xui đi. Mọi việc là ở trên người ta gom đủ gói để giải ngân nhưng mà tới lúc giải ngân là bên kia nó trở chứng cái công chuyện bây giờ người ta phải tìm một gói mới để thế vô nhưng mà nó chưa có đủ tiền đó cô. Hôm nay lập đập bệnh này rồi giải ngân tùm lum đủ thứ hết, với lại ba mẹ con không xấu đâu cô.....Thực sự là số tiền ở dưới con cũng nghe con nói rồi cô cũng vay mượn.....cha con cũng ráng lắm chạy tới ngày sáng đêm mới về nhà....cha con về tới rồi con nói coi sao”

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông T đã nhận của vợ chồng bà C tổng cộng 273.000.000 đồng nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T trả cho bà C 273.000.000 đồng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông T phải chịu 13.650.000 đồng án phí. Bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 166 Bộ luật dân sự.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C đối với ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Lê Thị Kim C 273.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 13.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim C đã nộp là 6.825.000 đồng theo biên lai thu số 0007324, ngày 24/8/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Long An;
- THA, VKS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng